

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2019/HNGĐ- ST
Ngày: 15 -8 -2019
V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Thanh Hồng và bà Bạc Thị Kiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 165/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2019 về việc: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H; Sinh năm: 1981;

Địa chỉ: Đội 15, xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên;

(Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn X; Sinh năm: 1979;

Địa chỉ: Đội 15, xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên;

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23/5/2019 và trong quá trình xét xử, Nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị H và anh X chung sống với nhau từ năm 2000 nhưng đến ngày 22/4/2001 mới đi đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc trong thời gian đầu, nhưng sau đó thì thường xảy ra mâu thuẫn do anh X không tu trí làm ăn, thường xuyên uống rượu say, thường xuyên mắng chửi và có lần đánh chị, chị phải mời trưởng thôn và công an viên lên giải quyết. Từ đó cuộc sống gia đình ngày càng sút mẻ và không hạnh phúc. Hai vợ chồng cũng được hai bên gia đình hàn gắn nhưng

không được. Nay chị H cảm thấy không thể còn chung sống với anh X, vợ chồng không còn hạnh phúc, hiện tình cảm giữa anh chị cũng không còn, chị H xin được ly hôn với anh X.

Về con, chị H và anh X có ba con chung là: Cháu Nguyễn Hồng S sinh ngày 22/12/2001, cháu Nguyễn Việt H sinh ngày 07/7/2002, cháu Nguyễn Văn L, sinh ngày 21/3/2017, các cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường. Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu L vì hiện cháu còn nhỏ cần sự chăm sóc đặc biệt của người mẹ. Chị H đề nghị giao hai cháu S, H cho anh X trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con; Hiện chị H có thu nhập ổn định từ việc đi làm thuê, đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng cháu L.

Về tài sản và nợ: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 28/5/2019 cháu Nguyễn Việt H, cháu Nguyễn Hồng S đều trình bày khi bố mẹ ly hôn thì các cháu có nguyện vọng được ở với bố vì mẹ cháu phải nuôi em còn bé nên không đủ điều kiện nuôi cả cháu.

Quá trình giải quyết Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh X qua đường bưu điện, qua người thân thích và niêm yết tại nơi cư trú, đã triệu tập hợp lệ anh X đến Tòa án để giải quyết vụ việc nhưng anh X vẫn vắng mặt không có lý do, không trình bày ý kiến và tham gia các phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa giải quyết vụ việc theo qui định. Tòa án tiến hành xác minh tại nơi cư trú của anh X được biết: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh X và chị H do anh X thường hay uống rượu say, thường hay mắng chửi và đánh đập vợ con, còn có lần dùng dao đe dọa chị H, hai bên gia đình và chính quyền địa phương đã hòa giải cho anh chị nhưng không thành. Hiện anh X thường hay đi làm vắng nhà, thi thoảng về vài ngày rồi lại đi tiếp.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên khẳng định: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đảm bảo đúng qui định; Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; Bị đơn không có mặt theo sự triệu tập của Tòa án là vi phạm qui định tại khoản 70, 72 BLTTDS. Đại diện Viện kiểm sát căn cứ điều 53, điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị xử cho chị H được ly hôn với anh X; Căn cứ các điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 giao cháu L cho chị H, giao cháu S và cháu H cho anh X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 buộc chị H chịu 300.000 đ án phí dân sự sơ thẩm của vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thủ tục thụ lý yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn: Ngày 23/5/2019 chị Phạm Thị H nộp đơn khởi kiện về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên đối với anh Nguyễn Văn X, nơi đăng ký thường trú: Đội 15, xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Chị H

có quyền yêu cầu giải quyết ly hôn theo qui định tại khoản 1 điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ngày 23/5/2019 chị H đã nộp tạm ứng án phí theo Điều 146 Bộ luật tố tụng Dân sự (sau đây ghi tắt là BLTTDS) và nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho Tòa án, cùng ngày Tòa án đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị H theo khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình và Điều 195 BLTTDS.

- Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn X thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

- Các vấn đề khác: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập cho chị H, anh X theo quy định của BLTTDS. Anh X đã vắng mặt tại các buổi làm việc của tòa án, vắng mặt tại phiên tòa đây là những căn cứ xác định vụ án không tiến hành hòa giải được theo qui định tại các khoản 1 điều 207 BLTTDS.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

Về hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn X kết hôn trên cơ sở tự nguyện không ai bị mất năng lực hành vi dân sự, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên vào ngày 22/4/2001, các bên kết hôn khi đã đủ điều kiện kết hôn. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H, anh X là hợp pháp. Quá trình chung sống chị H và anh X không còn hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh X và chị H do anh X thường hay uống rượu say, thường hay mắng chửi và đánh đập vợ con, còn có lần dùng dao đe dọa chị H, hai bên gia đình và chính quyền địa phương đã hòa giải cho anh chị nhưng không thành. Nội dung này đã được ủy ban nhân dân xã Th, huyện Đ xác nhận. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định việc chị H cho rằng hai vợ chồng không còn hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn là đúng. Xét tình trạng thực tế giữa hai vợ chồng, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ xác định anh X đã vi phạm nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Do đó, đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần căn cứ khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị H, giải quyết cho chị H ly hôn với anh X.

Về con chung: Chị H và anh X có ba con chung là cháu Nguyễn Hồng S sinh ngày 22/12/2001, cháu Nguyễn Việt H sinh ngày 07/7/2002, cháu Nguyễn Văn L, sinh ngày 21/3/2017. Chị H có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L vì cháu hiện còn nhỏ tuổi; Hiện chị H

đang đi làm thuê, có thu nhập đủ để đảm bảo chăm sóc nuôi dưỡng cháu L. Chị H đề nghị giao các cháu S, H cho anh X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục vì các cháu cũng đã dần trưởng thành, thường theo anh X đi làm ăn. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu và nguyện vọng của chị H là chính đáng, phù hợp với qui định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của các cháu S, H nên căn cứ các qui định tại điều 58, điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 giao cháu L cho chị H, giao cháu S, H cho anh X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị H không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập xem xét.

Về tài sản và nợ: Các đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[3] Án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đ đối với yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H, cho ly hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn X.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Văn L sinh ngày 21/3/2017 cho chị Phạm Thị H, giao các cháu Nguyễn Hồng S sinh ngày 22/12/2001 và Nguyễn Việt H sinh ngày 07/7/2002 cho anh Nguyễn Văn X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không đề cập giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Các quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 82, 83, 84 và 116 của Luật hôn nhân và Gia đình.

3. Về tài sản và nợ: Không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số 0003147 ngày 23 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/8/2019), đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND HDB;
- UBND xã Th;
- Chi cục THADS HDB;
- Tòa án tỉnh DB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Ngọc